TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ T** TỈNH ANGIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 5 – 2018

"V/v ly hôn giữa
Chị L và anh Kh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sức

2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 3, xã Đức Th, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn Kh - Sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 01, ấp Hưng T, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Sau khi tìm hiểu về tình cảm, năm 2011 chị và anh Phan Văn Kh sống chung như vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú H, giấy chứng nhận kết hôn số 139/2011 ngày 08/8/2011. Vợ chồng sống bình thường, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Kh không lo làm ăn mà thường xuyên đi nhậu về là kiếm chuyện chửi đánh đập chị, từ năm 2014 đến nay vợ chồng ly thân.

Nay chị xác định không còn tình cảm, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn Kh. Ngày 13/4/2018 chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại văn bản (Tờ tường trình) ngày 20/4/2018 gửi cho Tòa án, anh Phan Văn Kh trình bày như trình bày trên của chị L về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn, năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không phù hợp nên thường xuyên cự cãi và vợ chồng ly thân từ năm 2014 đến nay, chị L xin ly hôn, anh đồng ý và anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Thị N, sinh ngày 19/5/2010 hiện nay đang sống với anh Kh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu chị L cấp dưỡng, Chị L đồng ý giao con cho anh Kh tiếp tục nuôi.

- Về chia tài sản và nợ chung: Chị L và anh Kh trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn Kh, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L và anh Kh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn Kh.

[2] Hôn nhân của chị L và anh Kh. là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, có thời gian ly thân từ năm 2014 đến nay, trong thời gian dài ly thân anh, chị cũng không có hàn gắn. Qua đó cho thấy mâu thuẫn của chị L và anh Kh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu ly hôn và anh Kh đồng ý. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình yêu cầu xin ly hôn của chị L là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ly hôn giữa chị Nguyễn thị L và anh Phan Văn Kh.

[3] Về nuôi con chung: Anh Kh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Phan N, con đang sống với anh Kh, chị L đồng ý giao con cho anh Kh nuôi và cháu N cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với anh Kh. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Kh được trực tiếp nuôi cháu N và anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng, nên chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, vì lợi ích của con khi

cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về chia tài sản: Không có, Tòa án không đề cập.

[6] Về nợ chung: Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L với anh Phan Văn Kh.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Phan Thị N – Sinh ngày 19/5/2010 cho anh Phan Văn Kh được tiếp tục nuôi, hiện nay anh Kh đang nuôi. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận chị hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0005269 ngày 23/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T, chị L không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND xã Phú H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Kim Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**